

Bản án số 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ và ông Phạm Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 12.6.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 18.02.2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXX-ST ngày 26.4.2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số K347/2 đường Đ, phường Đ, thành phố N, tỉnh Bình Định, có mặt.

* *Bị đơn:* Ông D, sinh năm 1971; địa chỉ: Số H48/9/K05 đường H, tổ 22, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà H trình bày:**

Tôi và anh D kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không có trách nhiệm với gia đình, con cái, vì anh D nóng tính và say xỉn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chúng tôi đã sống ly thân khoảng 4 năm nay, không ai có trách nhiệm với nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh D

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên T - sinh ngày 05/5/2015. Ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông D trình bày:**

Tôi và chị H kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng thường bất đồng, vợ tôi đã đưa con gái về N sinh sống khoảng 4 năm nay. Hiện tại mâu thuẫn giữa chúng tôi vẫn không giải quyết được và vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay, vợ tôi làm đơn xin ly hôn thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Tôi xác định có 01 con chung là T - sinh ngày 05/5/2015. Tôi đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà H ly hôn với ông D và giao con chưa thành niên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà H với ông D là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H và ông D kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H ông D đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông D đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và hai người đã sống ly thân gần 4 năm, bà H đưa con về N sinh sống, ông D sống tại Đà Nẵng, hai người không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông D cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, hạnh phúc gia đình không và mục đích

hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông D là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà H ông D có 01 con chung là T - sinh ngày 05/5/2015, hiện nay cháu đang ở với mẹ tại N. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và ông D cũng đồng ý giao con cho bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chưa thành niên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, bà H ông D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc “Ly hôn” đối với ông D.

Xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông D.

* Về con chung: Giao con chung là T - sinh ngày 05/5/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi), ông D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai số 4522 ngày 18.02.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Đặng Ngọc Cường